



越南台灣商會聯合總會 投資經營委員會



稅務指南 AC-250602 Cẩm nang Thuế 2025-06-02

標題 Tiêu đề	修訂第 123 號議定有關發票與憑證的第 70 號議定之新內容 ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ
編撰 Người soạn	經理 阮維成 會計師 Giám đốc Kế toán Nguyễn Duy Thành
涉及範圍 Phạm vi liên quan	發票, 修訂, 電子發票, 開立時間, 調整, 替換, 資料對帳, 保險業務, 彩票, 賭場, 增值稅, 結算週期, 錯誤處理, 生效日期, 稅務編碼, 申報 Hóa Đơn, Sửa Đổi, Hóa Đơn Điện Tử, Thời Điểm Lập, Điều Chỉnh, Thay Thế, Đối Soát Dữ Liệu, Kinh Doanh Bảo Hiểm, Xổ Số, Casino, Giá Trị Gia Tăng, Kỳ Quy Ước, Xử Lý Sai Sót, Hiệu Lực Thi Hành, Mã Cơ Quan Thuế, Kê Khai

修訂第 123 號議定有關發票與憑證的第 70 號議定之新內容

ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

2025 年 3 月 20 日，政府頒布了第 70/2025/NĐ-CP 號議定，修訂並補充 2020 年 10 月 19 日頒布的第 123/2020/NĐ-CP 號議定中關於發票與憑證的若干條款。

Ngày 20/3/2025, Chính phủ ban hành Nghị định 70/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn chứng từ.

(i) 關於開立發票時間的具體規定

(i) Quy định cụ thể thời điểm lập hoá đơn:

根據第 70/2025/NĐ-CP 號議定第 1 條，修訂並補充了第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 9 條關於開立發票時間的規定。具體如下：

Tại Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung Điều 9 trong Nghị định 123/2020/NĐ-CP liên quan đến thời điểm lập hóa đơn. Theo đó:

- **對於銷售商品**（包括銷售、轉讓公共資產及國家儲備商品），開立發票的時間為商品所有權或使用權轉讓給買方的時刻，不論是否已收款。
- **Đối với bán hàng hóa** (bao gồm cả việc bán, chuyển nhượng tài sản công và bán hàng dự trữ quốc gia) thời điểm lập hóa đơn là khi quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa được chuyển giao cho người mua, bất kể việc đã thu tiền hay chưa thu tiền.
- **對於出口商品**（包括出口加工），賣方自行確定開立電子商業發票、電子增值稅發票或電子銷售發票的時間。然而，開立發票的時間最遲不得晚於商品依據海關法規完成通關後的下一個工作日。
- **Đối với xuất khẩu hàng hóa** (bao gồm cả gia công xuất khẩu), người bán tự xác định thời điểm lập hóa đơn điện tử thương mại, hóa đơn giá trị gia tăng điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử. Tuy nhiên, thời điểm lập hóa đơn phải chậm nhất vào ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định của pháp luật hải quan.
- **對於提供服務**，開立發票的時間為服務提供完成時，不論是否已收款。若服務提供者在提供服務前或提供服務過程中已收款，則開立發票的時間為收款時（不包括為確保執行會計、審計、財務稅務諮詢、資產評估、技術勘察設計、監理諮詢及投資建設項目規劃等服務而收取的保證金或預付款）。
- **Đối với cung cấp dịch vụ**, thời điểm lập hóa đơn là khi việc cung cấp dịch vụ hoàn thành, không phụ thuộc vào việc đã thu tiền hay chưa thu tiền. Nếu người cung cấp dịch vụ thu tiền trước hoặc trong quá trình cung cấp dịch vụ, thì thời điểm lập hóa đơn là khi thu tiền (trừ trường hợp thu tiền đặt cọc hoặc tạm ứng để đảm bảo thực hiện các dịch vụ như kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; và lập dự án đầu tư xây dựng).

(ii) 特定情況下開立發票時間的修訂

(ii) Sửa đổi quy định về thời điểm lập hóa đơn đối với một số trường hợp cụ thể

修訂第 123 號議定有關發票與憑證的第 70 號議定之新內容

ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

第 70/2025/NĐ-CP 號議定修訂並補充了第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 9 條第 4 款的 a、e、l、m、n 項，關於特定情況下開立發票時間的規定如下：

Nghị định 70/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm a, e, l, m, n khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020/NĐ-CP về thời điểm lập hóa đơn đối với một số trường hợp cụ thể như sau:

(1) 對於銷售商品或提供服務數量大且頻繁發生，需在企業與客戶、合作夥伴之間進行數據對帳的情況（修訂第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 9 條第 4 款 a 項）：

(1) Đối với các trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác (sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020NĐ-CP):

- 開立發票的時間為雙方完成數據對帳的時刻，但最遲不得晚於提供服務次月的第 7 天，或不晚於約定結算週期結束後的 7 天。結算週期作為計算商品或服務提供量的依據，由銷售商品或提供服務的單位與買方協商確定。

- Thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 7 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 7 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước. Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với người mua.

- 適用於此情況的服務包括：

- Các dịch vụ thuộc trường hợp này bao gồm:

+ 直接支援航空運輸的服務、為航空公司提供航空燃料的服務。

+ Cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không.

+ 電力供應活動（不包括本款 h 項規定的對象）。

+ Hoạt động cung cấp điện (trừ đối tượng quy định tại điểm h khoản này).

+ 支援鐵路及水路運輸的服務。

+ Cung cấp dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường thủy.

+ 電視服務、電視廣告服務。

+ Dịch vụ truyền hình, dịch vụ quảng cáo truyền hình.

+ 電子商務服務。

+ Dịch vụ thương mại điện tử.

+ 郵政及快遞服務（包括代理服務、代收代付服務）。

+ Dịch vụ bưu chính và chuyển phát (bao gồm cả dịch vụ đại lý, dịch vụ thu hộ, chi hộ).

修訂第 123 號議定有關發票與憑證的第 70 號議定之新內容

ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- + 電信服務（包括增值電信服務）。
- + Dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng).
- + 物流服務。
- + Dịch vụ logistics.
- + 資訊科技服務（不包括本款 b 項規定的情況）。
- + Dịch vụ công nghệ thông tin (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này).
- + 銀行服務（不包括貸款活動）、國際匯款、證券服務、電子彩票、投資者與收費服務提供者之間的道路使用費收取，以及財政部長規定的其他情況。
- + Dịch vụ ngân hàng (trừ hoạt động cho vay), chuyển tiền quốc tế, dịch vụ chứng khoán, xổ số điện toán, thu phí sử dụng đường bộ giữa nhà đầu tư và nhà cung cấp dịch vụ thu phí, và các trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

(2) 對於原油勘探、開採及加工活動（修訂第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 9 條第 4 款 e 項）：

(2) Đối với hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác và chế biến dầu thô (sửa đổi điểm e khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020NĐ-CP):

- 銷售原油、凝析油及原油加工產品（包括政府承諾的包銷產品）的開立發票時間為買賣雙方確定最終銷售價格的時刻，不論是否已收款。
- Thời điểm lập hóa đơn bán dầu thô, condensate, các sản phẩm được chế biến từ dầu thô (bao gồm cả hoạt động bao tiêu sản phẩm theo cam kết của Chính phủ) là thời điểm bên mua và bên bán xác định được giá bán chính thức, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
- 對於通過管道輸送至買方的天然氣、伴生氣及煤層氣的銷售活動，開立發票的時間為買賣雙方確定當月交貨氣量的時刻，但最遲不得晚於稅務法規規定的當月稅務申報及納稅期限的最後一天。
- Đối với hoạt động bán khí thiên nhiên, khí đồng hành, khí than được chuyển bằng đường ống dẫn khí đến người mua, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm bên mua, bên bán xác định khối lượng khí giao của tháng nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn kê khai, nộp thuế đối với tháng phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật về thuế.
- 若政府擔保及承諾協議對開立發票時間另有規定，則依該協議執行。
- Trường hợp thỏa thuận bảo lãnh và cam kết của Chính phủ có quy định khác về thời điểm lập hóa đơn thì thực hiện theo quy định tại thỏa thuận bảo lãnh và cam kết của Chính phủ.

(3) 對於貸款活動的開立發票時間（修訂第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 9 條第 4 款 1 項）：

(3) Thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động cho vay (sửa đổi điểm 1 khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020NĐ-CP)

修訂第 123 號議定有關發票與憑證的第 70 號議定之新內容

ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- 貸款活動的開立發票時間依據信貸機構與借款客戶之間的信貸合同規定的利息收取期限確定。若到期未收到利息，且信貸機構依據信貸法規進行表外跟蹤，則開立發票的時間為實際收到客戶貸款利息的時刻。
- Thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động cho vay được xác định theo kỳ hạn thu lãi tại hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng đi vay, trừ trường hợp đến kỳ hạn thu lãi không thu được và tổ chức tín dụng theo dõi ngoại bảng theo quy định pháp luật về tín dụng thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu được tiền lãi vay của khách hàng.
- 若依據信貸合同提前支付利息，則開立發票的時間為提前收取利息的時刻。
- Trường hợp trả lãi trước hạn theo hợp đồng tín dụng thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu lãi trước hạn.
- 對於外幣兌換代理、信貸機構或經濟組織提供的外幣收付服務，開立發票的時間為兌換外幣或完成外幣收付服務的時刻。
- Đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế của tổ chức tín dụng, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm đổi ngoại tệ, thời điểm hoàn thành dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ.

(4) 對於使用計費軟體的計程車客運業務（修訂第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 9 條第 4 款 m 項）：

(4) Đối với hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi có sử dụng phần mềm tính tiền (sửa đổi điểm m khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020NĐ-CP):

開立發票的時間為行程結束時，經營計程車客運的企業或合作社使用計費軟體開立電子發票給客戶，並依規定將發票數據傳送至稅務機關。

Thời điểm lập hóa đơn là khi kết thúc chuyến đi, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi có sử dụng phần mềm tính tiền thực hiện lập hóa đơn điện tử cho khách hàng đồng thời chuyển dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế theo quy định.

(5) 對於使用醫療管理及院費管理軟體的醫療機構（修訂第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 9 條第 4 款 n 項）：

(5) Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có sử dụng phần mềm quản lý khám chữa bệnh và quản lý viện phí (sửa đổi điểm n khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020NĐ-CP):

- 每筆診療、檢查及拍攝、化驗等服務交易均需列印收費單（包括院費或檢查化驗費用），並儲存於資訊系統。若客戶（就診者）無需索取發票，醫療機構於每日結束時根據診療資訊及收費單資訊彙總開立當日醫療服務的電子發票。

- Từng giao dịch khám, chữa bệnh và thực hiện các dịch vụ chụp, chiếu, xét nghiệm có in phiếu thu tiền (thu viện phí hoặc tiền khám, xét nghiệm) và có lưu trên hệ thống công nghệ thông tin. Nếu

修訂第 123 號議定有關發票與憑證的第 70 號議定之新內容

ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

khách hàng (người đến khám, chữa bệnh) không có nhu cầu lấy hóa đơn thì cuối ngày cơ sở khám bệnh, chữa bệnh căn cứ thông tin khám, chữa bệnh và thông tin từ phiếu thu tiền để tổng hợp lập hóa đơn điện tử cho các dịch vụ y tế thực hiện trong ngày.

- 若客戶要求開立電子發票，醫療機構應開立電子發票並交付客戶。
- Trường hợp khách hàng yêu cầu lập hóa đơn điện tử thì cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lập hóa đơn điện tử giao cho khách hàng.
- 醫療機構在社會保險機構支付或結算持卡人醫療費用時，為社會保險機構開立發票。
- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lập hóa đơn cho cơ quan bảo hiểm xã hội tại thời điểm được cơ quan bảo hiểm xã hội thanh toán, quyết toán chi phí khám chữa bệnh cho người có thẻ bảo hiểm y tế.

(iii) 新增保險、彩票、賭場及有獎電子遊戲的開立發票時間規定

(iii) Bổ sung thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số, casino và trò chơi điện tử có thưởng

第 70/2025/NĐ-CP 號議定新增了若干商業活動的開立發票時間規定，具體包括保險業務、彩票業務、賭場及有獎電子遊戲業務。這些新增規定在第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 9 條第 4 款的 p、q、r 項中規定如下：

Nghị định 70/2025/NĐ-CP bổ sung các quy định về thời điểm lập hóa đơn đối với một số hoạt động kinh doanh, cụ thể là hoạt động kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số, kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng. Các bổ sung này được quy định tại điểm p, q, r khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020NĐ-CP như sau:

(1) 對於保險業務（新增第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 9 條第 4 款 p 項）：

(1) Đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm (bổ sung điểm p khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020NĐ-CP):

保險業務的開立發票時間為依據保險業務法規記錄保險收入的時刻。

Thời điểm lập hóa đơn của hoạt động kinh doanh bảo hiểm là thời điểm ghi nhận doanh thu bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

(2) 對於傳統彩票及即開型彩票業務（新增第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 9 條第 4 款 q 項）：

(2) Đối với hoạt động kinh doanh xổ số truyền thống, xổ số biết kết quả ngay (bổ sung điểm q khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020NĐ-CP):

- 對於傳統彩票（預印且包含各面額的彩票出售給客戶），開立發票的時間為彩票經營企業回收未售出彩票的時刻，且最遲不得晚於下一期開獎前。

修訂第 123 號議定有關發票與憑證的第 70 號議定之新內容

ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- Đối với vé xổ số truyền thống (vé xổ số in sẵn đủ mệnh giá bán cho khách hàng), thời điểm lập hóa đơn là khi doanh nghiệp kinh doanh xổ số thu hồi vé xổ số không tiêu thụ hết và chậm nhất là trước khi mở thưởng của kỳ tiếp theo.

- 彩票經營企業需為每期銷售彩票的組織或個人代理商開立一張帶有稅務機關編碼的電子增值稅發票。發票必須送交稅務機關以取得編碼。

- Doanh nghiệp kinh doanh xổ số cần lập 1 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử có mã của cơ quan thuế cho từng đại lý là tổ chức, cá nhân bán vé xổ số được bán trong kỳ. Hóa đơn phải được gửi đến cơ quan thuế cấp mã cho hóa đơn.

(3) 對於賭場及有獎電子遊戲業務（新增第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 9 條第 4 款 r 項）：

(3) Đối với hoạt động kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng (bổ sung điểm r khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020NĐ-CP):

- 開立電子發票的時間最遲為確定收入當日結束後的 1 天。

- Thời điểm lập hóa đơn điện tử là chậm nhất 1 ngày kể từ thời điểm kết thúc ngày xác định doanh thu.

- 經營賭場及有獎電子遊戲的企業必須傳送記錄的收入數據（包括在櫃檯、遊戲桌或有獎電子遊戲機收取的兌換貨幣金額，扣除支付給玩家的獎金或玩家未使用完的金額），依據本議定附件 IA 中的 01/TH-DT 表格格式。

- Doanh nghiệp kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng phải chuyển dữ liệu ghi nhận số tiền thu được (do đổi đồng tiền quy ước cho người chơi tại quầy, tại bàn chơi và số tiền thu tại máy trò chơi điện tử có thưởng) trừ đi số tiền đổi trả cho người chơi (do người chơi trúng thưởng hoặc người chơi không sử dụng hết) theo Mẫu 01/TH-DT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này.

- 這些數據必須與電子發票數據同時傳送至稅務機關。

- Dữ liệu này phải được chuyển đến cơ quan thuế cùng thời điểm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử.

- 收入確定日為當日 00:00 至 23:59 的時間段。

- Ngày xác định doanh thu là khoảng thời gian từ 0 giờ 00 phút đến 23 giờ 59 phút cùng ngày.

(iv) 關於調整及替換發票的新規定

(iv) Quy định mới về hóa đơn điều chỉnh thay thế

自 2025 年 6 月 1 日起，第 70 號議定修訂第 123 號議定有關調整及替換發票的新規定
Quy định mới về hóa đơn điều chỉnh hóa đơn thay thế tại ND 70 sửa ND 123 từ 01/6/2025

修訂第 123 號議定有關發票與憑證的第 70 號議定之新內容

ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

根據第 70/2025/NĐ-CP 號議定第 1 條第 13 款，修訂了第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 19 條關於處理錯誤發票的規定如下：

Tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP sửa đổi Điều 19 Nghị định 123/2020/NĐ-CP về xử lý hóa đơn có sai sót như sau:

(1) 條款名稱更改為「**電子發票的替換與調整**」

(1) Đổi tên điều thành **Thay thế, điều chỉnh hóa đơn điện tử**

(2) 賣方處理錯誤電子發票的方式：

(2) Người bán xử lý hóa đơn điện tử có sai sót:

當發現已開立的電子發票有誤（包括已取得稅務機關編碼的電子發票或未編碼但已傳送數據至稅務機關的電子發票），賣方應按以下方式處理：

Khi phát hiện hóa đơn điện tử đã lập sai (bao gồm hóa đơn điện tử đã được cấp mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã gửi dữ liệu đến cơ quan thuế) thì người bán thực hiện xử lý như sau:

- 若**錯誤**僅涉及**買方的名稱或地址**，但**稅務編號及其他內容無誤**，賣方應通知買方發票錯誤，且無需重新開立發票。賣方需依據第 70/2025/NĐ-CP 號議定附件 IA 中的 04/SS-HĐĐT 表格，向稅務機關通報錯誤的電子發票。

- Trường hợp có **sai về tên, địa chỉ của người mua** nhưng **không sai mã số thuế, các nội dung khác** không sai thì người bán thông báo cho người mua về việc hóa đơn đã lập sai và không phải lập lại hóa đơn. Người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế về hóa đơn điện tử đã lập sai theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

- 若**錯誤**涉及**稅務編號、發票金額、稅率、稅額或商品規格、品質**，賣方可選擇調整或替換電子發票，具體如下：

- Trường hợp có **sai mã số thuế; sai về số tiền ghi trên hóa đơn, sai về thuế suất, tiền thuế hoặc hàng hóa ghi trên hóa đơn** không đúng quy cách, chất lượng thì có thể lựa chọn điều chỉnh hoặc thay thế hóa đơn điện tử như sau:

+ 賣方開立電子發票調整已開立的錯誤發票。調整的電子發票需註明「調整自發票樣式編號...、符號...、號碼...、日期...年」。

+ Người bán lập hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn đã lập sai. Hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập sai phải có dòng chữ “Điều chỉnh cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số. ngày. tháng... năm”.

+ 賣方開立新電子發票替換錯誤的電子發票。替換的電子發票需註明「替換自發票樣式編號...、符號...、號碼...、日期...年」。

修訂第 123 號議定有關發票與憑證的第 70 號議定之新內容

ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

+ Người bán lập hóa đơn điện tử mới thay thế cho hóa đơn điện tử lập sai. Hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã lập sai phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số. ngày. tháng.. năm”.

賣方在調整或替換的電子發票上進行數位簽章後，若使用無稅務機關編碼的電子發票，則直接發送給買方；若使用有稅務機關編碼的電子發票，則送交稅務機關以取得新發票編碼後再發送給買方。

Người bán ký số trên hóa đơn điện tử mới điều chỉnh hoặc thay thế cho hóa đơn điện tử đã lập sai sau đó người bán gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế) hoặc gửi cơ quan thuế để cơ quan thuế cấp mã cho hóa đơn điện tử mới để gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).

若賣方在同一月份對同一買方開立的數張發票中出現相同的買方資訊、商品名稱、單價或稅率錯誤，賣方可開立一張調整或替換發票，涵蓋該月內所有錯誤的電子發票，並附上依據第 70/2025/NĐ-CP 號議定附件 IA 中的 01/BK-ĐCTT 表格列明的錯誤發票清單。

Trường hợp trong tháng người bán đã lập sai cùng thông tin về người mua, tên hàng, đơn giá, thuế suất trên nhiều hóa đơn của cùng một người mua trong cùng tháng thì người bán được lập một hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế cho nhiều hóa đơn điện tử đã lập sai trong cùng tháng và đính kèm bảng kê các hóa đơn điện tử đã lập sai theo Mẫu số 01/BK-ĐCTT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

在調整或替換錯誤電子發票前，若買方為企業、經濟組織、其他組織、個體工商戶或個人經營者，賣方與買方必須簽署書面協議，明確記載錯誤內容；若買方為個人，賣方需通知買方或在賣方網站上（若有）公告。賣方需保存協議文件，並在要求時出示。

Trước khi điều chỉnh, thay thế hóa đơn điện tử đã lập sai, đối với trường hợp người mua là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai; trường hợp người mua là cá nhân thì người bán phải thông báo cho người mua hoặc thông báo trên website của người bán (nếu có). Người bán thực hiện lưu giữ văn bản thỏa thuận tại đơn vị và xuất trình khi có yêu cầu.

(3) 對於航空業，航空運輸證件的退換發票視為調整發票，無需註明「調整增/減自發票樣式編號...、符號...、日期...年」。航空運輸企業可為代理商開立的退換運輸證件自行開具發票。

(3) Đối với ngành hàng không thì hóa đơn đổi, hoàn chứng từ vận chuyển hàng không được coi là hóa đơn điều chỉnh mà không cần có thông tin “Điều chỉnh tăng/giảm cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... ngày. tháng... năm”. Doanh nghiệp vận chuyển hàng không được phép xuất hóa đơn của mình cho các trường hợp hoàn, đổi chứng từ vận chuyển do đại lý xuất.

修訂第 123 號議定有關發票與憑證的第 70 號議定之新內容

ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

(4) 若稅務機關發現電子發票（無論是否帶有稅務機關編碼）有誤，稅務機關將依據第 70/2025/NĐ-CP 號議定附件 IB 中的 01/TB-RSDT 表格通知賣方，賣方有責任根據通知審查錯誤內容並進行調整或替換發票。

(4) Trường hợp cơ quan thuế phát hiện hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã lập sai thì cơ quan thuế thông báo cho người bán theo Mẫu số 01/TB-RSDT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định 70/2025/NĐ-CP để người bán kiểm tra nội dung sai. Người bán có trách nhiệm rà soát theo thông báo của cơ quan thuế và thực hiện điều chỉnh, thay thế hóa đơn.

(5) 稅務局電子資訊入口網站將在賣方依據第 70/2025/NĐ-CP 號議定附件 IA 中的 04/SS-HĐĐT 表格向稅務機關通報時，自動發出接收通知（依據 01/TB-SSDT 表格）。

(5) Công thông tin điện tử của Cục Thuế tự động thông báo về việc tiếp nhận theo Mẫu số 01/TB-SSDT khi người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

(6) 對於已開具且內容無誤的電子發票，若在實際支付或結算時，基於國家的主管機關依據相關法律規定作出的結論，導致貨物/服務價值或數量發生變更，則賣方應就結算差額部分按實際經濟業務情況開具新的電子發票（差額減少以負數(-)列示，差額增加以正數(+)列示以符合實際的情況）。

(6) Đối với các hóa đơn điện tử đã lập khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không bị sai nhưng khi thanh toán thực tế hoặc khi quyết toán có sự thay đổi về giá trị, khối lượng trên cơ sở kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có liên quan thì người bán thực hiện lập hóa đơn điện tử mới đối với số chênh lệch qua quyết toán phản ánh theo đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh (**phát sinh giảm ghi âm (-) hoặc phát sinh tăng ghi dương (+) phù hợp với thực tế**).

(7) 折扣發票：

(7) Hóa đơn có chiết khấu:

若商業折扣基於商品或服務的數量或銷售額，則已售商品或服務的折扣金額應在最後一次購買或下一結算週期的銷售或服務發票上進行調整，確保折扣金額不超過最後一次購買或下一週期發票上記錄的商品或服務價值。或者，賣方可開立調整發票，並附上需調整的發票編號、金額及稅額清單。該清單需存檔於單位中，並在稅務機關或其他主管機關要求時出示。

Trường hợp việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa, dịch vụ đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau đảm bảo số tiền chiết khấu không vượt quá giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau hoặc được lập hóa đơn điều chỉnh kèm theo bảng kê các số hóa đơn cần điều chỉnh, số tiền, tiền thuế điều chỉnh. Bảng kê được lưu tại đơn vị và xuất trình khi cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

修訂第 123 號議定有關發票與憑證的第 70 號議定之新內容

ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

根據調整發票，賣方與買方在開立調整發票的結算週期內調整購買、銷售收入及進項、銷項稅額。

Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh thu mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào tại kỳ lập hóa đơn điều chỉnh.

(8) 退貨或服務退還的電子發票處理：

(8) Xử lý hóa đơn điện tử trong trường hợp trả lại hàng hoá, dịch vụ:

- 退貨情況：若買方退還全部或部分商品（包括因換貨導致商品價值變更的情況），賣方應開立調整發票，除非雙方約定由買方在退貨時開立發票，則買方開立電子發票交給賣方。賣方與買方需按商品銷售的稅務規定履行稅務義務。

- Trường hợp trả lại hàng hóa: Trường hợp người mua trả lại toàn bộ hoặc một phần hàng hóa (bao gồm cả trường hợp đổi hàng làm thay đổi giá trị của hàng hóa đã mua) thì người bán lập hóa đơn điều chỉnh, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận về việc người mua lập hóa đơn khi trả lại hàng hóa thì người mua lập hóa đơn điện tử giao cho người bán; người bán, người mua thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định khi bán hàng hóa.

- 若退還的商品屬於依法需登記使用權或所有權的資產，且已登記在買方名下，則退貨時需符合相關法律規定。若買方為使用電子發票的對象，則買方需開立退貨發票交給賣方。

- Trường hợp hàng hoá là tài sản thuộc diện phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu theo quy định của pháp luật và tài sản đã được đăng ký theo tên người mua thì khi trả lại hàng hoá đảm bảo phù hợp với pháp luật liên quan, nếu người mua là đối tượng sử dụng hoá đơn điện tử thì người mua thực hiện lập hoá đơn trả lại hàng cho người bán.

(9) 對於根據保險業法律的規定退還、減少保險費、減少保險經紀佣金和其他扣除額的情況：根據已開立的發票及書面協議或備忘錄（明確記載退還或減少的保險費金額（不含增值稅）、企業已收取的保險費發票的增值稅金額（包括發票編號、日期）、退費或減費的原因，賣方應開立調整發票交給參保客戶，不論是否已支付款項。調整發票上需明確記載退還或減少的保險費金額及原因。該書面協議需與保險費收取發票一同存檔於企業中，並在被要求時出示。

(9) Đối với trường hợp hoàn phí, giảm phí, giảm hoa hồng môi giới bảo hiểm và các khoản chỉ để giảm thu khác theo quy định của pháp luật kinh doanh bảo hiểm. Căn cứ vào hóa đơn đã lập và biên bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ số tiền phí bảo hiểm được hoàn, giảm (không bao gồm thuế giá trị gia tăng), số tiền thuế giá trị gia tăng theo hóa đơn thu phí bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm đã thu (số ký hiệu, ngày, tháng của hóa đơn), lý do hoàn, giảm phí bảo hiểm thì người bán lập hóa đơn điều chỉnh giao cho khách hàng tham gia bảo hiểm, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trên hóa đơn ghi rõ số tiền phí bảo hiểm hoàn, giảm, lý do hoàn, giảm. Biên bản này được lưu giữ cùng với hóa đơn thu phí bảo hiểm tại doanh nghiệp và xuất trình khi có yêu cầu.

修訂第 123 號議定有關發票與憑證的第 70 號議定之新內容

ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

(10) 若賣方在提供服務前或房地產、基礎設施建設、房屋銷售或轉讓業務中預收款項時已開立發票，其後因交易取消或終止、部分服務取消，則賣方應按以下方式調整已開立的電子發票：

(10) Trường hợp người bán đã lập hóa đơn khi thu tiền trước khi cung cấp dịch vụ hoặc lập hóa đơn thu tiền đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, nhà chuyển nhượng sau đó phát sinh việc huỷ hoặc chấm dứt giao dịch và hủy một phần việc cung cấp dịch vụ thì người bán thực hiện điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập như sau:

調整的電子發票需註明「調整自發票樣式編號...、符號...、號碼...、日期...年」。

Hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập sai phải có dòng chữ “Điều chỉnh cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số. ngày. tháng... năm”.

(11) 對於信貸機構或非現金支付服務提供機構（以下稱支付服務機構），若已開立銀行卡支付服務費用發票，其後發生退還銀行卡支付服務費用的交易，信貸機構或支付服務機構開立調整發票時，無需在調整發票上註明「調整自發票號碼...、樣式編號...、符號...、日期...年」。

(11) Trường hợp tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt (sau đây gọi là tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán) đã lập hóa đơn thu phí dịch vụ thanh toán thẻ ngân hàng sau đó phát sinh giao dịch hoàn phí dịch vụ thanh toán thẻ ngân hàng cho đơn vị chấp nhận thẻ thì tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thực hiện lập hóa đơn điều chỉnh thì trên hóa đơn điều chỉnh không cần có thông tin “Điều chỉnh cho hóa đơn số.... Mẫu số... ký hiệu... ngày... tháng...năm.”

(12) 對於電信服務，若客戶使用行動電信預付卡支付後付服務費用、慈善捐款短信或其他可使用行動電信預付卡支付的電信服務，且電信企業在銷售充值卡或完成服務提供時已依規定開立增值稅發票，電信企業應根據清單數據或與合作夥伴、客戶的工作備忘錄開立調整發票。

(12) Đối với trường hợp cung cấp dịch vụ viễn thông mà khách hàng sử dụng thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động để thanh toán cho cước dịch vụ trả sau, nhắn tin ủng hộ từ thiện, các dịch vụ viễn thông khác được chấp nhận thanh toán bằng thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động và khi bán thẻ cào, hoàn thành cung cấp dịch vụ doanh nghiệp viễn thông đã thực hiện lập hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định, doanh nghiệp viễn thông căn cứ vào dữ liệu trên bảng kê hoặc biên bản làm việc với đối tác, khách hàng để thực hiện lập hóa đơn điều chỉnh.

(13) 調整與替換發票的適用規則

(13) Áp dụng hóa đơn điều chỉnh, thay thế

- 若電子發票開立錯誤且賣方已依第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 19 條第 1 款 b 項規定進行調整或替換，其後再次發現發票錯誤，後續處理應沿用首次處理時採用的方式。

修訂第 123 號議定有關發票與憑證的第 70 號議定之新內容

ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập sai và người bán đã xử lý theo hình thức điều chỉnh hoặc thay thế theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định 123/2020/NĐ-CP, sau đó lại phát hiện hóa đơn sai thì các lần xử lý tiếp theo người bán sẽ thực hiện theo hình thức đã áp dụng khi xử lý lần đầu;
- 若依規定開立的電子發票無發票樣式編號、符號或號碼但發生錯誤，賣方僅需開立調整發票。
- Trường hợp theo quy định hóa đơn điện tử được lập không có ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn đã lập sai thì người bán chỉ thực hiện lập hóa đơn điều chỉnh;
- 調整發票的價值內容應反映實際調整情況：增加調整記為正數，減少調整記為負數。
- Đối với nội dung về giá trị trên hóa đơn điều chỉnh thì: điều chỉnh tăng (ghi dấu dương), điều chỉnh giảm (ghi dấu âm) đúng với thực tế điều chỉnh;
- 對於第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 19 條第 1 款 b 項規定的情況，調整或替換發票由賣方與買方在被調整或替換發票的結算週期內補充申報。
- Hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn thay thế đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định 123/2020/NĐ-CP thì người bán, người mua khai bổ sung vào kỳ phát sinh hóa đơn bị điều chỉnh, bị thay thế;
- 對於第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 19 條第 4 款規定的情況，賣方在開立調整發票的結算週期內申報，買方在收到調整發票的結算週期內申報。
- Hóa đơn điều chỉnh đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định 123/2020/NĐ-CP thì người bán kê khai vào kỳ phát sinh hóa đơn điều chỉnh, người mua kê khai vào kỳ nhận được hóa đơn điều chỉnh.

生效日期與執行責任

Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. 本議定自 2025 年 6 月 1 日起生效。
1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.
2. 財政部長負責指導執行本議定第 1 條第 3、6、7、11、18、37 及 38 款的規定，以及根據管理要求處理其他情況。
2. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành các khoản 3, khoản 6, khoản 7, khoản 11, khoản 18, khoản 37 và khoản 38 Điều 1 Nghị định này và các trường hợp khác theo yêu cầu quản lý.
3. 各部長、部級機關首長、政府所屬機關首長、地方省市人民委員會主席及相關組織、個人負責執行本議定。

修訂第 123 號議定有關發票與憑證的第 70 號議定之新內容

ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

因此，第 70/2025/NĐ-CP 號議定的生效日期為 2025 年 6 月 1 日。

Như vậy, thời điểm Nghị định 70/2025/NĐ-CP có hiệu lực là từ ngày 01/06/2025.

第 123/2020/NĐ-CP 號議定中哪些條款將被廢除？

Những điều nào của Nghị định 123/2020 sẽ bị bãi bỏ?

根據第 70/2025/NĐ-CP 號議定第 2 條第 4 款的規定，將廢除第 123/2020/NĐ-CP 號議定的以下條款：

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định 70/2025/NĐ-CP sẽ bãi bỏ những Điều này của Nghị định 123/2020/NĐ-CP:

- 第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 3 條第 10 款；
- khoản 10 Điều 3 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ;
- 第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 9 條第 4 款 g 項；
- điểm g khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020/NĐ-CP;
- 第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 33 條第 2 款；
- khoản 2 Điều 33 Nghị định 123/2020/NĐ-CP;
- 第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 37 條；
- Điều 37 Nghị định 123/2020/NĐ-CP;
- 第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 50 條第 2 款；
- khoản 2 Điều 50 Nghị định 123/2020/NĐ-CP;
- 第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 51 條；
- Điều 51 Nghị định 123/2020/NĐ-CP;
- 第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 52 條第 4 款第 3 項；
- khoản 3 khoản 4 Điều 52 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ;
- 第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 53 條第 5 款。
- khoản 5 Điều 53 Nghị định 123/2020/NĐ-CP.



聯絡方式 / Liên lạc chúng tôi



越南台灣商會聯合總會

投資經營委員會 孔祥平主委

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ business@everwin-group.com

www.everwin-group.com